

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ.

Ông Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, năm sinh: 1993 - Chủ hộ kinh doanh T.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn L, năm sinh: 1983 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Yến N trình bày: Vào năm 2017 ông Trần Quang S có thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H thông qua lời nói không lập thành văn bản. Nội

dung giao dịch là ông S sẽ cung cấp thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H, các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông L và bà H nuôi tôm. Số lượng cụ thể sẽ được bên ông L, bà H đặt hàng thông qua đơn đặt hàng. Ông L và bà H hoặc người nhà của có thể trực tiếp đến kho hàng để lấy hàng hoặc nhân viên bên ông S sẽ hỗ trợ vận chuyển. Ông L và bà H khi nhận hàng sẽ tiến hành kiểm tra và ký vào sổ đối chiếu xác nhận giao nhận hàng mang tên ông L. Về nghĩa vụ thanh toán: ông L và bà H phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho ông S khi thu hoạch tôm. Trường hợp bên phía ông L và bà H nuôi tôm bị thất thu thì không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong thời gian thực hiện giao dịch, ông S đã tiến hành cung cấp đầy cả số lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông L và bà H. Bên phía ông L và bà H cũng không có phản ánh gì về số lượng, chất lượng, loại hàng hóa đã được cung cấp. Đến cuối vụ tôm tháng 7/2020 L, bà H không thanh toán hết tiền hàng cho ông S, số công nợ hiện nay ông L và bà H còn nợ ông S là 54.080.000 đồng.

Nay ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho ông S số tiền nợ gốc là 54.080.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi Tòa tuyên án đến khi trả hết nợ.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông L và bà H không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông L và bà H vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Nguyên đơn ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H thanh toán số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông S là 54.080.000 đồng. Nguyên đơn ông Trần Quang S cung cấp chứng cứ gồm bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 12/2022 do ông Nguyễn Văn L ký xác nhận dư nợ 54.080.000 đồng và sổ đối chiếu xác

nhận giao nhận hàng do ông L ký xác nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi thủy sản cho bên mua là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H. Ông L và bà H đã nhận đủ thức ăn chăn nuôi thủy sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông L và bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận. Kể từ ngày ký xác nhận công nợ vào tháng 12/2022 đến nay, ông L và bà H còn nợ của ông S tổng số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 54.080.000 đồng chưa thanh toán. Do ông L và bà H không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông S 54.080.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S về việc yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H liên đới thanh toán số tiền 54.080.000 đồng.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Quang S tổng số tiền 54.080.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Trần Quang S có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trần Quang S, thì ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trần Quang S, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Hồng H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.704.000 đồng. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Ông Trần Quang S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.352.000 đồng theo biên lai thu số 0001769 ngày 11/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng T.H.A khu vực 8 – Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ